TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG
Bản án số: 10/2018/DS-ST
Ngày 08-5-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Âu;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Minh Hải;

2. Bà Hứa Thị Nhị.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Ngọc Thuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hanh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2017/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Văn A-có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Văn A: Bà Hà Thị T (Văn bản ủy quyền ngày 16/11/2017)-có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: Anh Trần Đình T và chị Hoàng Thị T-đều vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Hoàng Thị T: Anh Trần Đình T (Văn bản ủy quyền ngày 28/11/2017)-vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 2, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Võ Văn A và đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn A là bà Hà Thị T trình bày: Ngày 09/4/2015 ông Võ Văn A cho vợ chồng anh Trần Đình T, chị Hoàng Thị T vay số tiền 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)*, hẹn ngày 30/12/2015 sẽ trả. Ngày 15/01/2016 ông A tiếp tục cho anh Trần Đình T vay 135.000.000đ hẹn 26/01/2016 sẽ trả đủ. Việc vay tiền có thể hiện bằng giấy viết tay, có chữ ký của hai bên. Về lãi suất các bên không thể hiện trong giấy viết tay tuy nhiên thỏa thuận miệng lãi là 2%/tháng. Đến hạn trả nợ của hai khoản vay trên, vợ chồng anh Trần Đình T không trả cho ông A được khoản tiền nào. Nay ông A yêu cầu anh Trần Đình T, chị Hoàn Thị T trả cho ông 185.000.000đ tiền gốc, không yêu cầu tính lãi. Ông A xác định đây là khoản tiền riêng của ông.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Đình T trình bày: Thực tế anh có vay của ông A 50.000.000đ chứ không phải 185.000.000đ như ông A trình bày, số tiền 135.000.000đ còn lại là chuyển khoản nợ 50.000.000đ của chị H qua và 35.000.000đ tiền lãi cộng với 50.000.000đ từ khoản vay gốc đầu tiên. Nên anh chỉ đồng ý trả 100.000.000đ nhưng phải trừ khoản nợ 50.000.000đ của chị H. Đối với khoản tiền 50.000.000đ thì đây là nợ chung của anh Trần Đình T và chị Hoàng Thị T, còn đối với khoản 135.000.000đ anh Trần Đình T cho rằng mình không được vay và chị T (vợ anh) cũng không liên quan đến số tiền này.

Bị đơn chị Hoàng Thị T đã ủy quyền cho anh Trần Đình T.

Mặc dù được tống đạt hợp lệ nhưng anh Trần Đình T vắng mặt lần II tại phiên tòa không vì lý do bất khả kháng hay do trở ngại khách quan. HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án phát biểu ý kiến như sau: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, hoạt động xét xử của Hội đồng xét xử (HĐXX) đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, chấp hành tốt quy định pháp luật. Bị đơn không chấp hành tốt các quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Trần Đình T, chị Hoàng Thị T phải trả cho nguyên đơn 185.000.000đ.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 giấy vay tiền ngày 15/1/2016 (bản gốc); 01 giấy vay tiền ngày 09/4/2016 (bản gốc) do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Hà Thị T cung cấp. Anh Trần Đình T thừa nhận giữa các bên có lập các giấy vay trên và chữ ký trong 02 giấy vay là chữ ký của anh Trần Đình T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn ông Võ Văn A yêu cầu Tòa án buộc bị đơn anh Trần Đình T và chị Hoàng Thị T phải trả số tiền 185.000.000đ nên đây là quan hệ pháp luật "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn anh Trần Đình T và chị Hoàng Thị T cư trú tại tổ 2, thị trấn Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn A:* Ông A khởi kiện anh Trần Đình T và chị Hoàng Thị T căn cứ 02 giấy vay tiền ngày 09/4/2015 và ngày 15/01/2016. Quá trình làm việc tại Tòa án, anh T thừa nhận chữ viết, chữ ký trong 02 giấy vay tiền trên là của anh T. Do đó, việc anh T vay tiền của ông A là có thật. Việc vay tiền giữa các bên phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự (BLDS) 2005 . Giấy vay ngày 09/4/2015 thể hiện anh T vay của ông A số tiền 50.000.000đ, giấy vay ngày 15/01/2016 anh T vay 135.000.000đ, tổng số tiền anh T vay của ông A là 185.000.000đ. Ông A cho rằng đến hạn trả nợ của 02 khoản tiền trên, anh T chưa trả cho ông A khoản tiền nào.

Anh T cho rằng trong tổng số tiền 185.000.000đ ông A khởi kiện thì thực tế anh chỉ vay 50.000.000đ vào ngày 09/4/2015, còn số tiền 135.000.000đ là bao gồm 50.000.000đ vay ngày 09/4/2015 cộng với 50.000.000đ là cấn nợ từ chị H qua và 35.000.000đ là tiền lãi. Quá trình đối chất ông A và chị H không thừa nhận việc anh T trình bày. Trong các giấy vay nợ cũng không thể hiện nội dung như anh T trình bày và anh T không cung cấp được chứng cứ gì chứng theo trình bày của mình nên anh T phải chịu hậu quả của việc không cung cấp được chứng cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 BLTTDS *"Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân*

sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc". Anh T cũng không cung cấp được chứng cứ về việc đã trả nợ số tiền này cho ông A.

Đến hạn trả nợ anh T không thực hiện nghĩa vụ, đã vi phạm khoản 1 Điều 474 BLDS 2005 *"Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác"*. Do đó, HĐXX xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Văn A là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Ông A khởi kiện buộc anh Trần Đình T và chị Hoàng Thị T phải trả cho ông A số tiền 185.000.000đ, tuy nhiên anh T chỉ thừa nhận khoản nợ 50.000.000đ có chữ ký chị T là nợ chung còn 135.000.000đ anh không nợ và theo giấy vay tiền ngày 15/01/2016 không có chữ ký chị T nên việc ông A yêu cầu cả chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông A toàn bộ số tiền 185.000.000đ là không phù hợp. HĐXX chỉ chấp nhận buộc chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ liên đới cùng anh Trần Đình T trả cho ông A số tiền 50.000.000đ và anh T có nghĩa vụ trả cho ông A 135.000.000đ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST): Do yêu cầu của ông Võ Văn A được chấp nhận nên buộc anh Trần Đình T và chị Hoàng Thị T phải chịu án phí DSST. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 buộc anh Trần Đình T phải nộp án phí đối với số tiền 135.000.000đ là 6.750.000đ, buộc anh Trần Đình T và chị Hoàng Thị T phải nộp án phí đối với số tiền 50.000.000đ là 2.500.000đ. Hoàn trả ông Võ Văn A 4.625.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000464 ngày 31/10/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471; khoản 1 Điều 474 BLDS 2005;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 266; Điều 271 BLTTDS.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn A. Buộc anh Trần Đình T và chị Hoàng Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Võ Văn A 50.000.000đ *(Năm mươi triệu đồng)*.

Buộc anh Trần Đình T trả cho ông Võ Văn A 135.000.000đ *(Một trăm ba mươi lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành

án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí DSST: Buộc anh Trần Đình T và chị Hoàng Thị T phải nộp 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* án phí DSST. Buộc anh Trần Đình T phải nộp 6.750.000đ *(Sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng)* án phí DSST. Hoàn trả ông Võ Văn A 4.625.000đ (*Bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000464 ngày 31/10/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt bản án hợp lệ.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đắk Song;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hải Âu